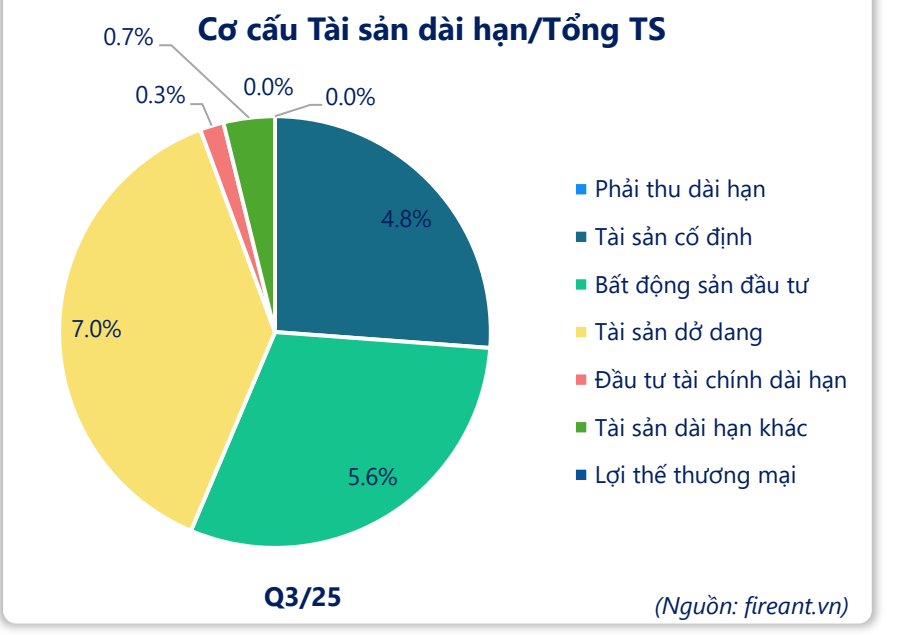
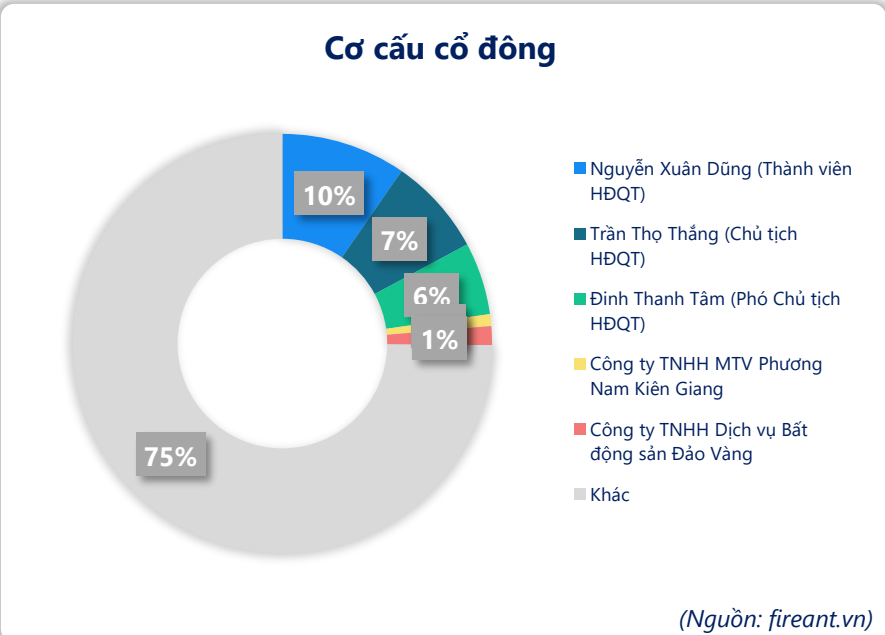
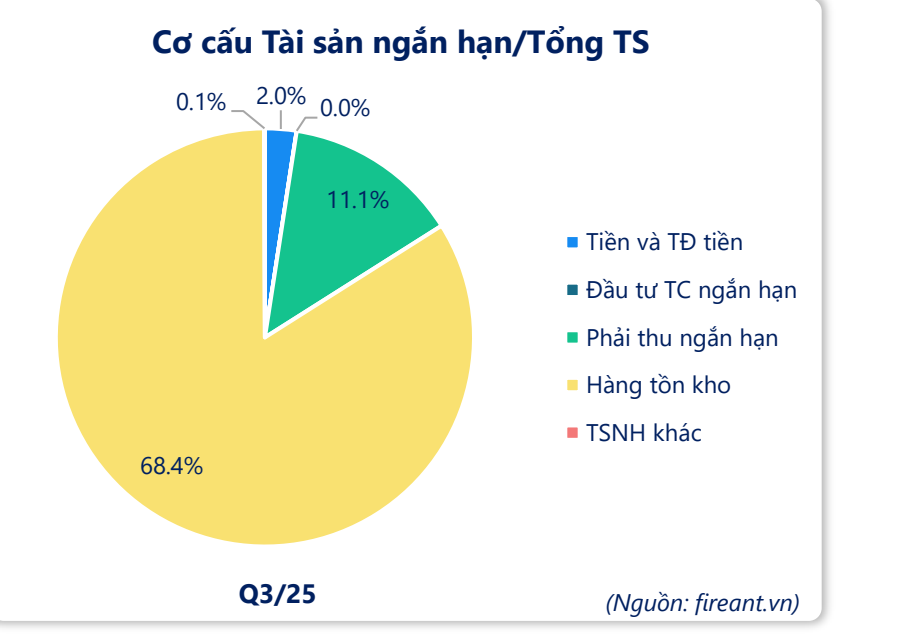
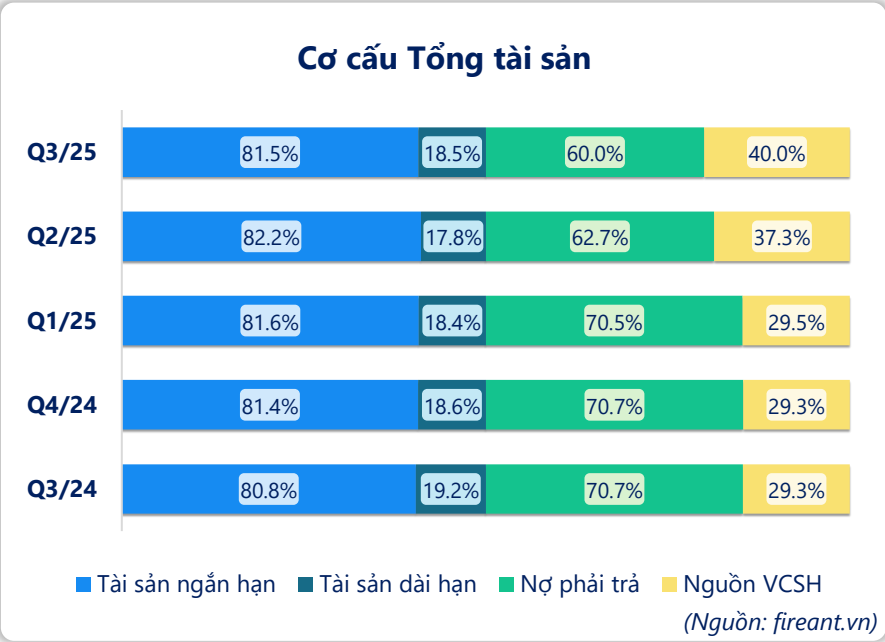
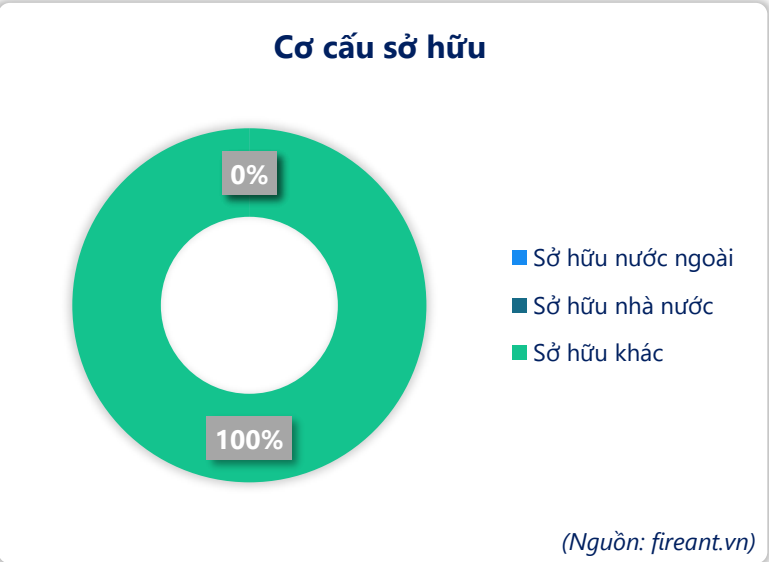
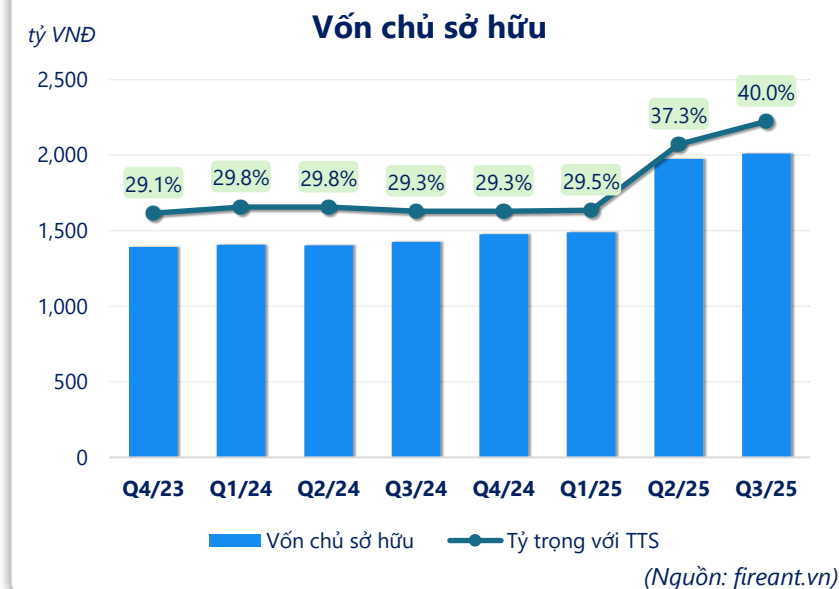
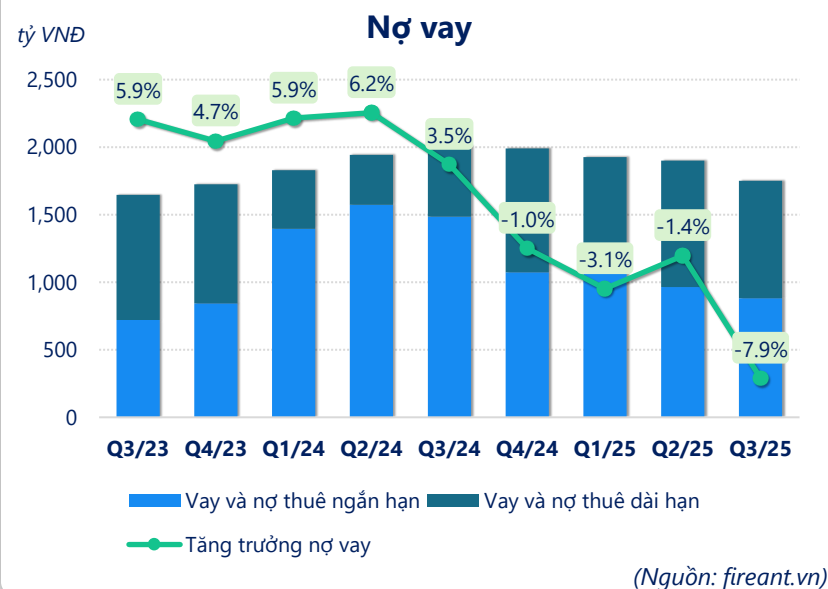
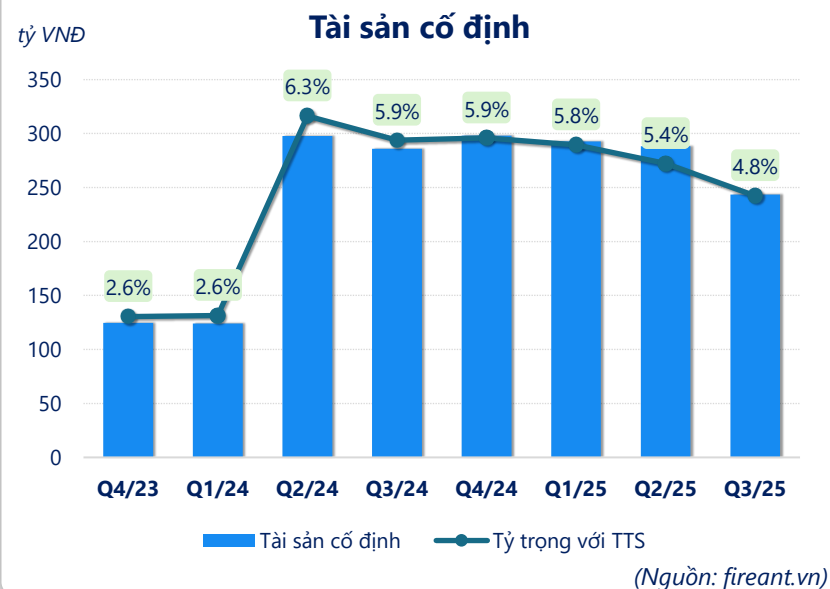
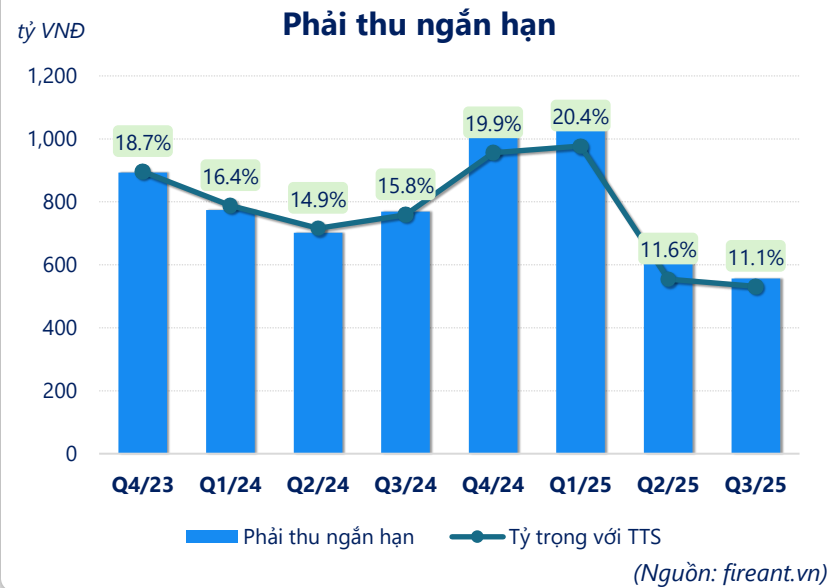
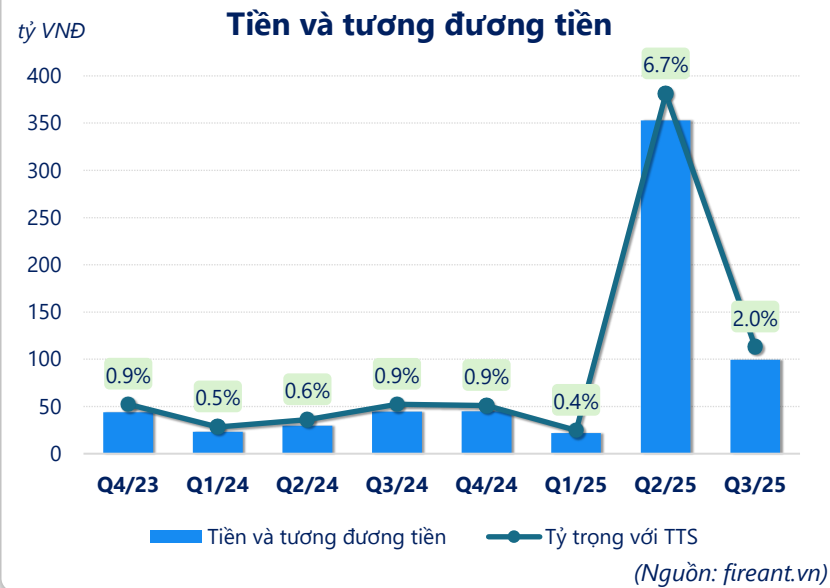
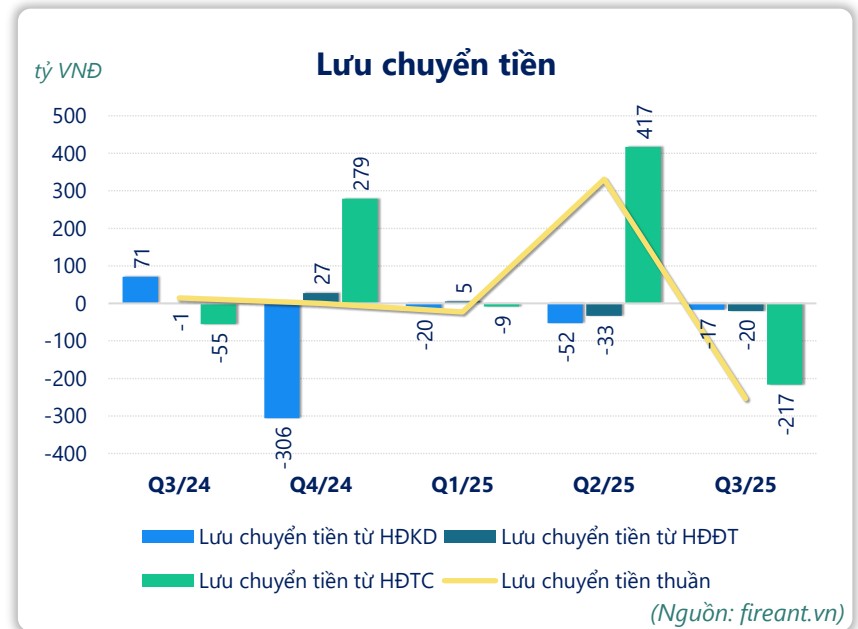
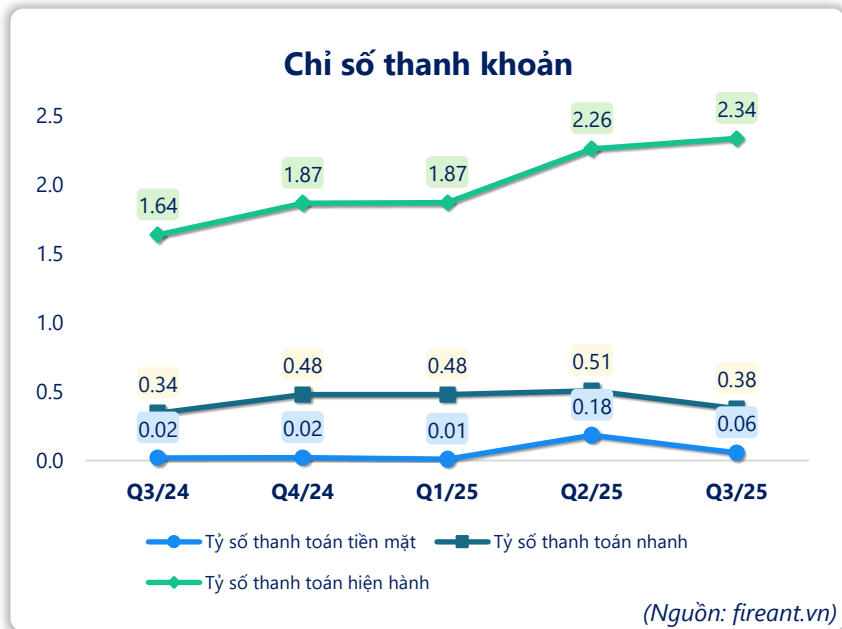
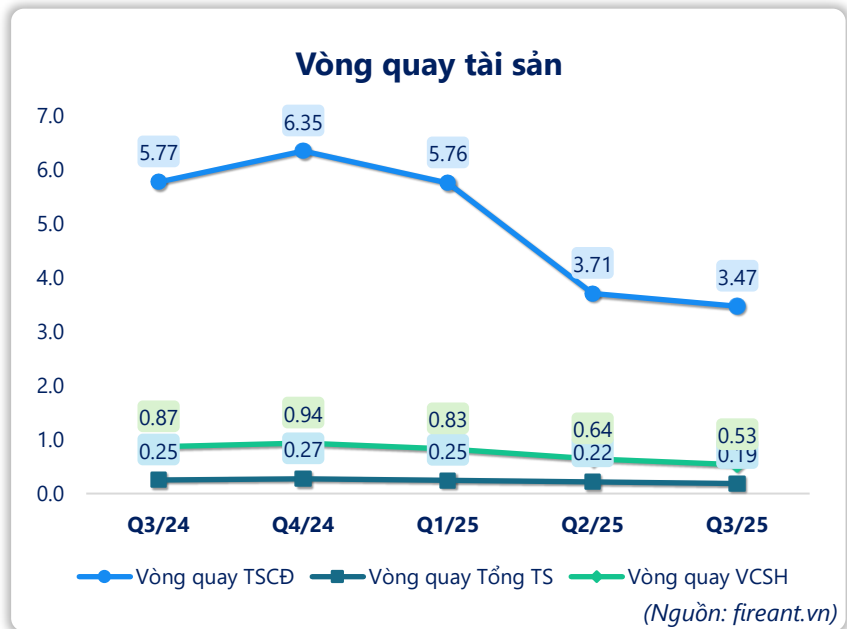
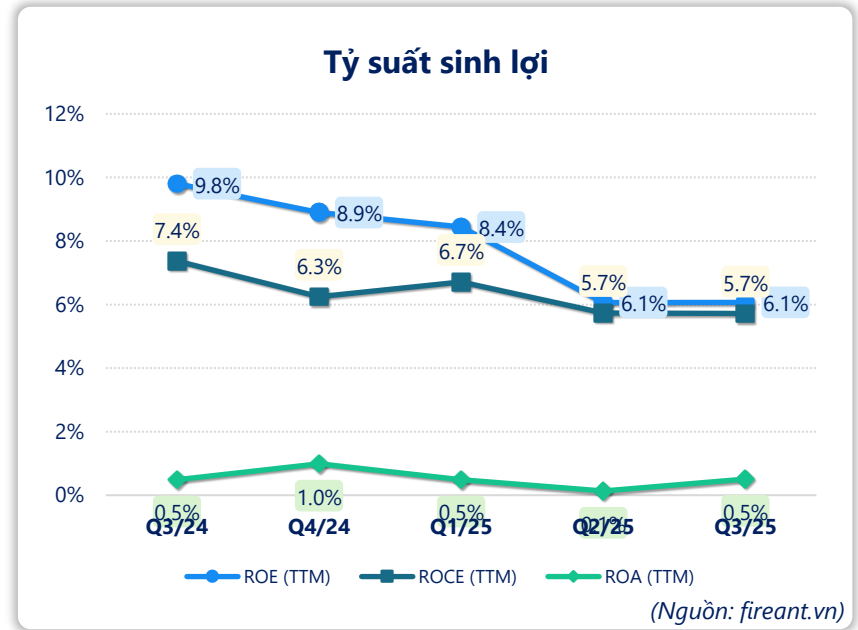
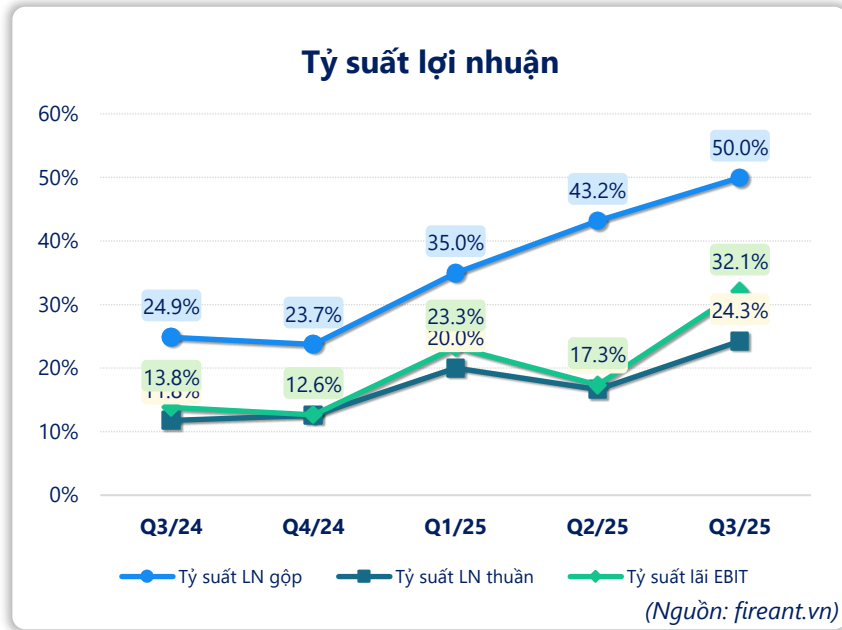
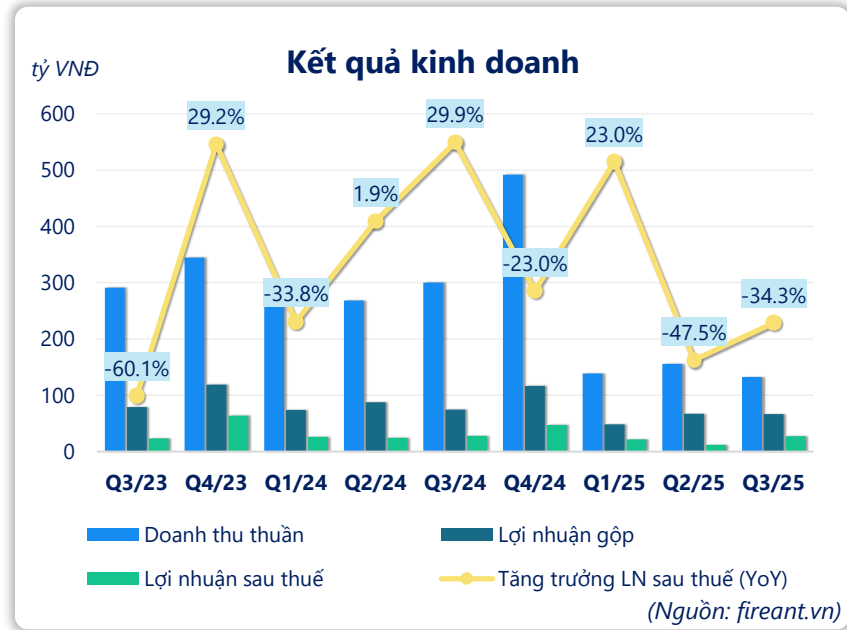


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,864
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,740
SL cổ phiếu LH		161,807,526
KLGD BQ 20 phiên (CP)		122,035
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,168
P/E		20.8
EPS		645

	YTD	1T	3T	6T
CKG	-23.2%	-7.3%	0.4%	-7.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,024	5,005	0.4%
Tài sản ngắn hạn	4,094	4,072	0.5%
Tiền và tương đương tiền	99.3	44.9	121%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	0.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	556	976	-43.0%
Hàng tồn kho	3,435	3,046	12.8%
Tài sản ngắn hạn khác	2.88	4.41	-34.6%
Tài sản dài hạn	931	933	-0.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	244	298	-18.2%
Bất động sản đầu tư	281	281	0.0%
Tài sản dở dang	354	302	17.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	16.6	15.5	7.3%
Tài sản dài hạn khác	35.8	37.0	-3.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,013	3,532	-14.7%
Nợ ngắn hạn	1,752	2,170	-19.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	881	1,074	-18.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	122	130	-6.1%
Nợ dài hạn	1,261	1,362	-7.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	868	915	-5.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,011	1,473	36.5%
Vốn chủ sở hữu	2,011	1,473	36.5%
Vốn điều lệ	1,618	953	69.9%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	300	492	139	156	133
Giá vốn hàng bán	226	375	90.1	88.6	66.4
Lợi nhuận gộp	74.6	117	48.4	67.3	66.3
Doanh thu HĐTC	1.70	3.00	1.34	2.37	1.58
Chi phí TC	6.65	6.05	4.71	9.34	8.39
Chi phí lãi vay	6.65	5.22	4.71	9.34	8.39
LN trong công ty LKLD	0.70	-0.35	0.01	0.39	0.74
Chi phí bán hàng	5.73	9.20	4.86	8.24	7.59
Chi phí QLDN	29.3	42.3	12.5	26.6	20.5
LN thuần từ HĐKD	35.3	61.8	27.7	26.0	32.2
Lợi nhuận khác	-0.56	-4.86	-0.16	-8.25	1.98
LN trước thuế	34.8	57.0	27.5	17.7	34.2
Lợi nhuận sau thuế	27.8	47.5	21.6	12.1	27.5
LNST của CĐ cty mẹ	23.3	48.5	23.9	6.68	25.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	70.8	-306	-19.6	-52.4	-16.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.56	27.5	5.31	-33.2	-20.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-55.3	279	-8.81	417	-217
Tiền đầu kỳ	29.6	44.5	44.9	21.9	353
Lưu chuyển tiền thuần	14.9	0.47	-23.1	331	-254
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	44.5	45.0	21.9	353	99.3

(Nguồn: fireant.vn)